Bản đồ cảnh báo nguy hiểm khu vực Maesawa, Isawa và Koromogawa 5

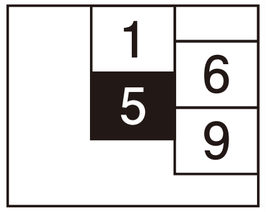

洪水浸水想定区域 凡例
Chú thích Khu vực giả định ngập lụt do lũ lụt

- 10.0~20.0m未満 (10,0m ~ dưới 20,0m)
- 5.0~10.0m未満 (5,0m ~ dưới 10,0m)
- 3.0~5.0m未満 (3,0m ~ dưới 5,0m)
- 0.5~3.0m未満 (0,5m ~ dưới 3,0m)
- 0.5m未満 (Dưới 0,5m)
- 既往浸水区域(カスリン台風) Khu vực đã từng bị ngập lụt (do bão Kathleen)

早期の立退き避難が必要な区域
Khu vực cần phải di tản và sơ tán sớm

家屋倒壊等氾濫想定区域(氾濫流・河岸侵食)
Khu vực giả định bị lũ tràn gây sụp đổ nhà cửa (dòng lũ tràn, xâm thực bờ sông)

浸水深が3m以上になるおそれのある区域
Khu vực có nguy cơ ngập sâu từ 3m trở lên

ため池浸水想定区域 凡例
Chú thích Khu vực giả định ngập lụt do hồ chứa

ため池・衣川ダム浸水被害エリア
Khu vực chịu thiệt hại ngập lụt do hồ chứa/đập

土砂災害 凡例
Chú thích Thảm họa sạt lở đất

土砂災害警戒区域 (土石流・急傾斜地・地すべり)
Khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất (lũ bùn đá, sạt lở sườn dốc, trượt lở đất)

土砂災害特別警戒区域 (土石流・急傾斜地)
Khu vực cảnh báo đặc biệt về thảm họa sạt lở đất (lũ bùn đá, sạt lở sườn dốc)

大規模盛土
Khu vực nền đất đắp quy mô lớn

新たな土砂災害が発生するおそれのある箇所 (急傾斜地の崩壊・土石流)
Địa điểm có nguy cơ xảy ra thảm họa sạt lở đất mới (sạt lở sườn dốc, lũ bùn đá)

その他 凡例
Chú thích Khác

- 北上低地西縁断層帯 Đới đứt gãy rìa Tây vùng đất thấp Kitakami
- 危機管理型水位計 Thiết bị đo mực nước để quản lý rủi ro
- 通常水位計 Thiết bị đo mực nước thông thường
- 河川監視カメラ Camera giám sát sông ngòi

避難所 凡例
Chú thích Nơi lánh nạn

- 1 第１次収容避難所 Cơ sở lánh nạn tập trung cấp 1
- 1 第2次収容避難所及び指定緊急避難場所 Cơ sở lánh nạn tập trung cấp 2 và Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định
- 1 指定緊急避難場所のみ Chỉ các địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định

A B C D E F

1 2 3 4 5

衣川1号ダム
胆沢若柳
衣川外の沢
大平公民館
衣川
衣川衣原
衣川増沢
衣川大平
奥州市北股地区センター 34
衣川有浦
衣川小田
衣川長塚
37

0 250m 500m
1 : 13,800

23 24

災害リスク情報などを地図に重ねて表示「重ねるハザードマップ」
"Bản đồ chồng lớp cảnh báo nguy hiểm" hiển thị thông tin rủi ro thảm họa, v.v... bằng phương pháp chồng chập bản đồ
https://disaportal.gsi.go.jp/index.html